

# Tháng Tư, Nhớ Một Kẻ Sĩ Can Trường

Phúc Tiến

Mấy năm trước, tôi được mời dự đám giỗ một giáo sư bấy lâu chỉ nghe tên qua sách vở. Ông là bậc khoa bảng nổi tiếng đã đạt được văn bằng luật cao nhất ở Paris, trở thành người thầy luật khoa hàng đầu của nhiều thế hệ ở miền Nam. Nhà ông là một biệt thự trên đường Sương Nguyệt Anh, quận 1. Ngôi nhà vẫn giữ kiểu dáng chân phương của những năm cuối 60 - đầu 70 thế kỷ trước. Trong nhà từ cánh cửa sắt hay gạch bông lát nhà đến bàn ghế, chén bát đều trông xưa cũ. Trên bàn thờ là chân dung ông, một người có vầng trán cao, đôi mắt tinh anh, gương mặt hiền hậu và phong thái lịch lãm.

Gần đây có mấy bức tranh sơn dầu do chính ông vẽ, được treo trang trọng trên tường. Trong đó nổi bật là bức vẽ một phụ nữ thanh tú mặc áo dài, có chiếc khăn voan quàng cổ tựa như một làn sương mỏng. Đây chính là hiền thê của ông, có cái tên rất đẹp - Hoàng Thị Nguyệt My, đã qua đời ở tuổi trung niên.

## Viết sách trong lúc ở ẩn

Trong không gian tĩnh mịch của gian phòng còn có một tủ kiếng thật cao. Phải có đến hai ba chục quyển sách bọc vải cùng cỡ, xếp hàng ngay ngắn trong tủ. Những quyển sách đều bọc vải màu xanh lá cây đậm, trông quen quen. Phải chăng là sách dạy học của vị giáo sư? Tôi xin phép mở ra xem mới hay đó là những trang sách đánh máy trên giấy vàng úa. Quyển nào cũng thế, tất cả đều đánh máy, không phải là bản in hay bản quay ronéo hoặc photocopy. Lạ hơn nữa, đó không phải là giấy trắng dày cứng cáp hay giấy trắng mỏng thanh nhã. Ngược lại, đó là những trang giấy thô cộm, không hẳn vàng, không hẳn nâu mà rất lâu rồi không còn thấy nữa và chỉ ra đời vào cái thời khốn khó sau chiến tranh.



*Giáo sư Vũ Văn Mẫu trong lễ phục đến trình quốc thư cho Nữ hoàng Anh khi làm đại sứ tại nước này năm 1964. Ảnh: TL*

Vâng, thế hệ tôi không thể nào quên những ngày ấy, cơm không đủ mà ăn, quần áo thiếu thốn, hưởng chi là sách vở và giấy viết. Người đời, nhà máy giấy cũng “đói” hóa chất và “đói” nguyên liệu. Ở Sài Gòn có nhà máy giấy đã thu gom cả “cỏ Mỹ” - thứ cỏ ở Củ Chi sinh sôi do tác động của hóa chất Mỹ trong cuộc chiến, để nghiền thành bột rồi trộn với các loại giấy phế thải để làm giấy mới. Thời đấy, phần lớn sách báo đều là giấy tái chế từ nhiều loại phế liệu. Ngay cả giấy viết thư, giấy đánh máy và giấy tập học trò được “phân phối” cũng khoác màu vàng khè hay thâm nâu. Trên trang giấy có nhiều chỗ còn lợn cợn những vẩy đen như sợi rơm, sợi rác còn sót lại.

Vậy mà chính những quyển sách làm bằng những trang giấy “hoang hóa” lại chuyên chở những con chữ biên khảo của vị giáo sư về một loạt đề tài sâu rộng. Thật bất ngờ, đó là các sách chuyên về nhân văn như *Lịch sử dân tộc Việt Nam lược khảo*, *Lịch sử văn minh Việt Nam*, *Trên đường Nam Tiến*, *Tiếng nói và chữ viết dân tộc*, *Khổng giáo*, *Phật giáo và Lão giáo*. Kể cả sách về luật học và xã hội học như *Nền pháp luật Việt Nam cổ truyền*, *Gia đình Việt Nam cận đại*. Hết thầy đều là những đề tài sâu sắc, đòi hỏi nhiều năm nghiên cứu và bút lực uyên thâm. Càng ngạc nhiên hơn nữa khi giờ xem những quyển sách và được chạm tay vào bìa vải xanh, tôi nhớ ra cái chất liệu “quen quen” đến từ đâu. Hóa ra đó chính là loại vải pha nylon có chạm những đường gân để co giãn thường dùng làm màn cửa khá phổ biến ở nhiều nhà khá giả tại Sài Gòn trước 1975. Có khi chúng còn dùng để làm vải bọc các tấm nệm salon gỗ. Song chưa thấy ai dùng làm vải bọc bìa sách thay cho vải nhung hay bìa da!

Vào cái thời túng bấn sau 1975, hầu như mọi thứ đều được người Sài Gòn “nhanh trí” tận dụng để duy trì cái ăn, cái mặc. Và chao ôi, tận dụng cho cả cái học và cái nghiên cứu! Chính trong những ngày vất vả đó, vị giáo sư - người không còn được đến giảng đường, đã miệt mài ngồi viết sách từ sở học kinh nghiệm giàu có của mình. Ông viết và giữ gìn chúng một cách thắm lặng trên những trang giấy tái chế và những quyển sách được bọc vải màn cửa. Tôi chắc rằng đến nay giá trị những quyển sách hiếm lạ ấy càng lớn lao vô cùng.

## Một chính khách thương dân và chính trực

Ông Vũ Hoàng Dũng, năm nay ngoài bảy mươi, con trai thứ của giáo sư đã mời tôi dự đám giỗ thân sinh. Duyên may, tôi quen ông Dũng tại buổi khai mạc triển lãm “Từ dinh Norodom đến dinh Độc Lập”. Tại triển lãm có nhiều bức ảnh chụp các quan chức chính phủ miền Nam vào cuối những năm 1950 đầu 1960. Trong đấy có một bức ảnh chụp Tổng thống Ngô Đình Diệm đang bước đi cùng Phó tổng thống Mỹ Johnson. Ông Dũng chỉ tôi xem hình một người đàn ông trung niên, đeo kính, dáng hình nho nhã, đi phía sau hai “VIP”. Đó là cha ông, Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu của chính phủ Việt Nam Cộng hòa từ 1955 - 1963. Vị ngoại trưởng xuất thân là một tiến sĩ luật và là giáo sư trường luật, được ông Diệm luôn trân trọng gọi là “ngài”, có thể coi là “đại thần” hay “khai quốc công thần” của chế độ suốt 9 năm liền.



*Năm 2018 tác giả còn gặp ông Vũ Hoàng Dũng ở Paris, ông là giáo sư kinh tế. Hình chụp ông Dũng - con trai giáo sư Vũ Văn Mẫu trước bức tranh tự họa của giáo sư và bàn thờ tổ tiên tại Paris. Ảnh: Phúc Tiến*

Vậy mà con người trí thức đang có quyền cao chức trọng ấy dám tỏ thái độ phản kháng chính quyền khi họ làm điều sai trái. Đó là việc xảy ra vào tháng 8 năm 1963, khi chế độ gia đình trị Diệm - Nhu ra sức đàn áp phong trào Phật giáo. Hành động phản kháng của giáo sư Vũ Văn Mẫu - một Phật tử thuần thành, rất thẳng thắn và độc đáo, đã đi vào sách sử: ông cạo đầu, rồi gửi đơn từ chức ngoại trưởng và xin đi hành hương ở Ấn Độ - thực chất là chấp nhận bỏ hết mọi quan tước để đứng về phía người dân, kể cả phải sống kiếp lưu vong xa quê hương và gia đình!

Ông Dũng kể khi nhận được tin này, Tổng thống Diệm đã gọi điện can ngăn và đề nghị “ngài ngoại trưởng” hoãn lại việc từ chức nhưng giáo sư cương quyết không thay đổi quyết định. Trong khi ấy, ông Ngô Đình Nhu - em trai và là cánh tay mặt của ông Diệm cũng gọi điện, nhưng để dọa nạt giáo sư. Thậm chí, khi ông Mẫu cùng con trai ra phi trường Tân Sơn Nhất để đi Ấn Độ theo kế hoạch thì quân lính của ông Nhu chặn xe bắt cả hai đưa vào trại an ninh quân đội để giam cầm và có thể hành hạ. Song, ngoại giao đoàn ở Sài Gòn, tiên phong là

khâm sứ Vatican đã lên tiếng phản đối mạnh mẽ, buộc chính quyền phải thả hai cha con. Ngưỡng mộ hành động của một nhà ngoại giao chân chính, ngay lập tức chính phủ Ấn Độ can thiệp, bảo trợ cho cả gia đình ông Mẫu cùng đến nước họ vài ngày sau đó. Sự phản kháng can trường của giáo sư Vũ Văn Mẫu trở thành tấm gương khích lệ cho nhiều trí thức và người dân trong cuộc đấu tranh chống độc tài hà khắc ở miền Nam.



*Giáo sư Vũ Văn Mẫu sau khi cạo đầu và từ chức ngoại trưởng để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm, gặp gỡ sinh viên Luật khoa Sài Gòn tháng 8.1963. Ảnh: báo The Observer, gia đình cung cấp*

Tháng 11 năm đó, chế độ Diệm - Nhu sụp đổ sau một cuộc đảo chính đẫm máu. Tuy nhiên, giáo sư Mẫu vẫn ở lại nước ngoài, không tham gia chính phủ mới, chỉ nhận làm đại sứ ở Anh và một số nước châu Âu nhưng sau đấy lại từ chức để phản đối chiến tranh lan rộng ra cả nước. Khoảng năm 1965 - 1966, giáo sư mới trở về Sài Gòn, tiếp tục dạy học và được bầu làm Chánh án Tòa Thượng thẩm. Năm 1970, vị cựu ngoại trưởng cạo đầu ngày nào tham gia chính trường, đắc cử thượng nghị sĩ. Ông và nhiều chính khách khác chủ trương hòa bình, chống tham nhũng và bất công. Năm 1974, giáo sư Mẫu cùng ông Dương Văn Minh và nhiều nhân sĩ, trí thức thành lập lực lượng hòa hợp hòa giải dân tộc. Và rồi, tháng 4 năm 1975, giáo sư nhận lãnh trách nhiệm thủ tướng của chính phủ cuối cùng. Ngày 30.4.1975, thay vì bỏ chạy ra nước ngoài, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu cùng Tổng thống Dương Văn Minh ở lại và chấp nhận đầu hàng vô điều kiện để mở đường cho hòa bình, thống nhất.

Xin cảm ơn các Quý-vị.

Sau đây là nguyên văn bản thông cáo ngày 19-7-1971 của liên-danh Hoa-sen và nhóm Dân-tộc về các quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

**• THÔNG CÁO NGÀY 19-7-1971 CỦA LIÊN-DANH HOA-SEN VÀ NHÓM DÂN-TỘC VỀ CÁC QUẦN-ĐẢO HOÀNG-SA VÀ TRƯỜNG-SA**

Gần đây, Trung-hoa và Phi-luật-tân đã tranh chấp hai quần đảo Hoàng-sa (Paracels) và Trường-sa (Spratley) của Việt-nam.

Trước những hành vi xâm phạm vào chủ quyền và lãnh thổ Việt-nam liên-danh Hoa-sen, trung thành với khẩu hiệu bảo vệ nền "Độc-lập Quốc gia" long trọng tố cáo cùng dư luận quốc-nội và quốc tế những tham vọng đế quốc đen tối này.

Quần đảo Hoàng-sa (Paracels) cũng như quần đảo Trường-sa (Spratley) vốn thuộc chủ quyền Việt-nam từ nhiều thế kỷ.

Chỉ cần nhắc qua vài tài liệu lịch sử từ đầu thế kỷ thứ 19.

Năm 1802 dưới đời Gia-Long, một đội quân gồm có 70 người tuyển chọn trong hạng tráng đinh làng Vĩnh-an, đã được tổ chức đi mỗi năm ra khai thác tại quần đảo Quần-sa trong 6 tháng. Đội quân ấy mỗi năm khởi hành vào tháng 3 và trở về vào tháng 8, tại cửa bể Từ-Hiền, đem về các hải sản.

Một đội quân khác cũng được tổ chức đi khai thác những hòn đảo ở phía Bắc quần đảo Hoàng-sa (Paracels) tới tận đảo Côn-lôn gần Hải-Nam.

Theo sách "Univers, Histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes" (Lịch sử và miêu tả tất cả các dân-tộc, tôn-giáo, phong tục trên thế giới) của C. Taberd viết năm 1836, chính vua Gia-Long vào năm 1816 đã thân chinh ra quần đảo Hoàng-sa và cho treo cờ Việt-nam tại quần đảo này.

Năm 1832, Vua Minh Mạng lại sai đem nhân công và vật liệu xây cất một ngôi chùa trên núi Ban Na và dựng bia tại đó.

Về phương diện hành chính, trong thời Pháp thuộc, quần đảo Hoàng-sa được tổ chức thành đại lý Hoàng-sa, thuộc tỉnh Thừa-thiên và quần đảo Trường-sa thuộc tỉnh Baria

Đến năm 1939, Quân đội Nhật-bản trong đệ nhị thế chiến đã xâm chiếm quần đảo này làm căn cứ quân sự, nhưng sau khi bại trận, theo điều 2 Hiệp định San Francisco, Nhật-bản đã phải giao hoàn lại tất cả các đất đai đã chiếm cứ trong đó có hai quần đảo Hoàng-sa (Paracels) và Trường-sa (Spratley).

Đại diện phái đoàn Việt-nam tại Hội-nghị hòa-bình San Francisco ngày 7-9-1951 đã lên tiếng xác nhận chủ quyền của Việt-nam đối với các quần đảo này, mà không một phái đoàn nào phản đối trong số 51 quốc-gia tham dự hội-nghị.

Về mặt pháp lý, Hội-nghị San Francisco không có mục đích chia các đất đai đã do Nhật-bản chiếm cứ, mà chỉ giao hoàn lại những đất đai ấy cho các quốc-gia đã có chủ quyền đối với các lãnh thổ ấy.

Như vậy, tại Hội-nghị San Francisco, chủ quyền của Việt-nam trên các quần đảo này đã được chính thức và công khai thừa nhận.

Mãi đến ngày 17-3-1956, viện Giám-đốc Hải Học của Phi-luật-tân, mới tuyên bố khám phá ra được những hòn đảo chưa thuộc chủ quyền quốc gia nào (Unclaimed) và đặt tên là đất tự do (Freedomland). Thật là một điều sai lầm lớn vì sự thật, đây chỉ là những hòn đảo thuộc quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Liên sau đây, Chính-phủ Trung-hoa Quốc-gia đã phản kháng qua Tòa Đại sứ Trung-hoa tại Ma-ni rằng quần đảo Trường-sa thuộc chủ quyền Trung-hoa.

Trung-cộng, ngày 30-5-1956 cũng đã lên tiếng đòi chủ quyền về các quần đảo này.

Một lần nữa Chính-phủ Việt-nam, ngày 1-6-1956 đã ra thông cáo, xác nhận chủ quyền cổ hữu đối với hai quần đảo nói trên về phương diện lịch sử cũng như về phương diện pháp lý.

Cần phải nhắc thêm rằng năm 1895 và 1896, sau khi nhiều tàu bị đắm và bị cướp tại quần đảo này, các hãng bảo hiểm của Anh-Quốc tưởng lầm rằng những quần đảo ấy thuộc về Trung-hoa nên đã nhờ Chánh-phủ Anh, qua sự can thiệp của Lãnh-sự ở Hoi hao và sứ thần Anh ở Bắc-kinh, đòi Trung-hoa phải bồi thường.

Nhưng Trung-hoa chính thức đã trả lời với Anh-Quốc là quần đảo Hoàng-sa không thuộc chủ quyền Trung-hoa và không thuộc về một quận huyện nào của đảo Hải-nam. Như vậy, thái độ hiện tại của Trung-hoa lại càng hoàn toàn vô lý.

Ngoài ra, về cả phương diện địa chất, cũng cần phải nhấn mạnh rằng, có một giải cao nguyên dưới mặt biển nối liền quần đảo Hoàng-sa với bờ biển Việt-nam. Sự kiện địa chất này không những là một bằng chứng cụ thể về sự liên hệ thiên nhiên mà còn thêm một luận cứ hiển nhiên trên phương diện Quốc-tế Pháp, về chủ quyền của Việt-nam đối với các quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa.

Ngày nay, sự xâm chiếm các đảo thuộc hai quần đảo này do quân đội Trung-hoa là một hành vi xâm phạm chủ quyền và sự vẹn toàn lãnh thổ của Việt-nam.

Liên danh Hoa-sen là nhóm Dân-tộc cương quyết phản đối tất cả các hành vi xâm-phạm chủ quyền và sự vẹn toàn của lãnh thổ đất nước.

Sau chiến tranh, ông vẫn ở Việt Nam, hầu như ẩn cư, chỉ chuyên chú viết sách và vẽ tranh. Từ năm 1988, mỗi năm một lần ông cạy qua Pháp thăm con cháu vài tháng. Trong chuyến đi năm 1998, giáo sư Mầu lâm bệnh và mất tại Paris, thọ 84 tuổi. Ông Dũng kể với tôi cha mình ra đi với nỗi buồn không được nằm xuống trên quê hương yêu quý. Trước khi nhắm mắt, tay ông còn run rẩy viết ra dòng chữ cuối cùng: “Tôi muốn về Việt Nam”.

Gần đây, một nhà xuất bản tại TP.HCM đã đề nghị gia đình giáo sư Vũ Văn Mầu cho in thành sách chính thức các tác phẩm của ông. Rất mong các sách viết của giáo sư sẽ sớm đến với các thế hệ hôm nay, như là lời tri ân một người thầy trí dũng. Và hơn thế nữa, còn là cách lan tỏa tầm gương làm việc và nhân cách chính trực của một trí thức xưa. Giáo sư Vũ Văn Mầu không chỉ là một nhà giáo uyên bác mà còn là một KẾ SĨ can trường “dấn thân” vào đời sống chính trị, đem tài trí phụng sự quốc gia.

## **Người thúc giục dùng ngoại giao và pháp lý để bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa**

Là một nhà luật học và ngoại giao am hiểu công pháp quốc tế và lịch sử Việt Nam, trong nhiều năm liền, giáo sư Vũ Văn Mầu đã tìm cách khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa trên các diễn đàn trong và ngoài nước. Theo phát hiện của nhà nghiên cứu Nguyễn Tấn Cương (Đại học Harvard), trên Công báo Quốc hội Việt Nam Cộng hòa còn lưu toàn văn thông báo ngày 19.7.1971 của nghị sĩ Vũ Văn Mầu - đại diện nhóm Hoa Sen và nhóm Dân tộc trong Quốc hội, long trọng kêu gọi các nước tôn trọng pháp lý quốc tế, không được vi phạm chủ quyền Việt Nam ở hai quần đảo trên.

Văn bản thông báo bằng những lời lẽ ngắn gọn nhưng đanh thép đã lược thuật quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam phù hợp với các nguyên tắc công pháp quốc tế. Bản thông báo còn dẫn ra sự kiện vào năm 1895 và 1896, chính quyền Trung Quốc thời đó là nhà Thanh đã chính thức trả lời với Anh Quốc là Hoàng Sa không thuộc chủ quyền của họ. Chính vì vậy, “các thái độ hiện tại của Trung Hoa lại càng hoàn toàn vô lý”.

Đặc biệt, bản thông báo nhấn mạnh về mặt địa chất dưới mặt biển “có một dải cao nguyên” nối liền bờ biển Việt Nam với quần đảo Hoàng Sa. Cho nên chủ quyền và quyền lợi của đất nước đối với từng khu vực biển đảo cụ thể cần được nhìn nhận toàn diện hơn. Vào thời điểm Liên Hợp Quốc chưa thông qua Công ước về Luật Biển (một hiệp ước quốc tế được tạo ra trong hội nghị về luật biển Liên Hợp Quốc lần thứ 3, diễn ra từ năm 1973 đến 1982), bản thông báo đã thể hiện được quan điểm pháp lý rất sâu sắc và tầm nhìn chiến lược rất quan trọng!

Ngày 14.3.1974, hai tháng sau khi Trung Quốc trắng trợn đánh chiếm Hoàng Sa, một lần nữa, tại nghị trường, giáo sư Vũ Văn Mầu lên tiếng thúc giục chính quyền phải tổ chức vận động ngoại giao, sử dụng các diễn đàn của Liên Hợp Quốc để mạnh mẽ phản kháng “các hành vi xâm phạm chủ quyền và sự vẹn toàn của lãnh thổ đất nước”, kể cả việc phải đưa ra tố tụng tại tòa án quốc tế. Giáo sư Vũ Văn Mầu cho rằng nếu chính quyền kiên quyết làm các việc này từ năm 1971 thì đã không lâm vào tình thế như năm 1974. Vị cựu ngoại trưởng thẳng thắn phê phán “hành pháp đã thụ động, Bộ Ngoại giao đã thụ động”, “các đại sứ cũng ngồi yên” và rồi quốc dân và lịch sử sẽ phán xét!

Càng không thể quên, nhiều năm trước đó, vào ngày 1.6.1956, chính phủ Việt Nam Cộng hòa mà vị ngoại trưởng chính là giáo sư Vũ Văn Mầu, đã ra thông cáo xác nhận chủ quyền cố hữu đối với Hoàng Sa và Trường Sa về cả mặt lịch sử và pháp lý.

Phúc Tiến